

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG TỈNH VĨNH
PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 10 - 8 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị D2 Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà A1, đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: TDP H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Trọng G1 (vắng mặt) và ông Mai Bá H1 (có mặt) – Luật sư Công ty Luật TNHH Hoàng Sa, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng I5, Tòa nhà D6, số A2 phố TK, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh B68, sinh năm 1954 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Đều cư trú: Thôn QT, xã TL, huyện G7, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Nguyễn Viết T8, sinh năm 1957 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà K1, ngõ K2, đường K3, phường K4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh B68, ông Nguyễn Ngọc H3: Ông Nguyễn Viết T8, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà K1, ngõ K2, đường K3, phường K4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1957 (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1960 (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1969 (có mặt).

- Ông Nguyễn Minh D3, sinh năm 1974 (có mặt).

- Ông Nguyễn Quốc D4, sinh năm 1977 (có mặt).

- Bà Đặng Thị M10, sinh năm 1972 (có mặt).

- Ông Diệp Minh G2, sinh năm 1961 (có mặt).

Đều cư trú: Thôn H3, xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Nguyễn Thị Bích N4, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ G6, MI, xã DM, huyện DA, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn M7, xã TV, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày: Bố bà là cụ Nguyễn Ngọc T66, sinh năm 1935 (chết năm 2014) chung sống với mẹ bà là cụ Đỗ Thị N55, sinh năm 1925 (chết năm 2013) sinh được 04 người con là: Nguyễn Thanh B68, sinh năm 1954; Nguyễn Viết T8, sinh năm 1957; Nguyễn Thị O, sinh năm 1960 và Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1968. Cụ T66 quê ở xã TL, huyện G7 và làm nghề giáo viên. Cụ T66 công tác ở nhiều nơi, nhưng sau này có đi dạy học tại xã KL, huyện TD. Khi dạy học tại xã KL, cụ T66 chung sống với cụ Nguyễn Thị Y65, sinh năm 1932 (chết năm 2013). Cụ T66 và cụ Y65 sinh được 08 người con là: Nguyễn Thị H4, sinh năm 1957; Nguyễn Thị D1, sinh năm 1960; Nguyễn Anh T, sinh năm 1963; Nguyễn Thị Bích N4, sinh năm 1967; Nguyễn Thị D2, sinh năm 1969; Nguyễn Thị C3, sinh năm 1972; Nguyễn Minh D3, sinh năm 1974 và Nguyễn Quốc D4, sinh năm 1977.

Ngoài những người con trên thì cụ T66 không có người con nào khác. Khi cụ T66 chết, không để lại nghĩa vụ gì cho các con, bà cùng các anh chị em đứng ra lo ma chay cho bố mẹ. Bố mẹ của cụ T66, cụ N55 đều chết trước khi các cụ chết. Tài sản cụ T66 để lại là:

- Thừa đất số 257, tờ bản đồ số 46 ở thôn H3, xã KL, TD, Vĩnh Phúc, diện tích đo đạc thực tế là 2520,1m². Trên đất có nhà và công trình phụ do cụ T66 xây dựng, hiện nay nhà và công trình phụ đang do ông D4 quản lý và sử dụng; ngoài ra trên đất có 01 ngôi nhà cùng công trình phụ do ông D3, bà M10 xây dựng; 01 ngôi nhà cùng công trình phụ do bà Thu, ông G2 xây dựng.

- Thừa đất số 547, tờ bản đồ số 46 ở thôn H3, xã KL, TD, Vĩnh Phúc, diện tích đo đạc thực tế là 243,6m², thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Ngọc T66 và cụ Nguyễn Thị Y65.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ T66 để lại là thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46, diện tích đo đạc thực tế là 2.520,1m² và thửa đất số 547, tờ bản đồ số 46, diện tích đo đạc thực tế là 243,6m² đều có địa chỉ ở thôn H3, xã KL, TD, Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật. Phần của bà được hưởng, bà đề nghị được nhận bằng đất và đề nghị chia đất cho ông D3, bà D2 vào phần đất mà ông D3, bà D2 đã xây dựng nhà. Đối với các tài sản trên đất, bà không yêu cầu chia. Bà không đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc vì di chúc này cụ T66 chỉ soạn thảo như vậy chứ chưa có ý định chia cho các con.

Tại phiên tòa, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 46 ở thôn H3, xã KL, TD, Vĩnh Phúc.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bố mẹ bị đơn là cụ Nguyễn Ngọc T66, sinh năm 1935 (chết năm 2014) và cụ Nguyễn Thị Y65, sinh năm 1932 (chết năm 2013), sinh được 08 người con gồm: Nguyễn Thị H4, sinh năm 1957; Nguyễn Thị D1, sinh năm 1960; Nguyễn Anh T, sinh năm 1963; Nguyễn Thị Bích N4, sinh năm 1967; Nguyễn Thị D2, sinh năm 1969; Nguyễn Thị C3, sinh năm 1972; Nguyễn Minh D3, sinh năm 1974 và Nguyễn Quốc D4, sinh năm 1977.

Cụ T66 là người ở xã TL, huyện G7, đi dạy học tại xã KL, huyện TD, nên quen biết và sống chung với cụ Y65 khoảng năm 1956, 1957; tuy nhiên hai cụ không đăng ký kết hôn vì trước khi sống chung với cụ Y65 thì cụ T66 đã có vợ, con ở xã TL, huyện G7.

Ngoài 08 người con trên thì cụ T66 còn có 04 người con riêng với người vợ cả là cụ Đỗ Thị N55, gồm: Nguyễn Thanh B68, Nguyễn Viết T8, Nguyễn Thị O và Nguyễn Ngọc H3. Ngoài những người kể trên thì cụ T66 không có vợ, con nào khác; bố mẹ cụ T66 đều đã chết trước khi cụ T66 chết.

Năm 2013 cụ Y65 chết, khi chết không để lại di chúc. Năm 2014 cụ T66 chết, trước khi chết có để lại di chúc cho các con do cụ T66 viết năm 2011.

Về nguồn gốc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46 ở thôn H3, xã KL, TD, Vĩnh Phúc, nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế có nguồn gốc là của bố mẹ đẻ của cụ Nguyễn Thị Y65 là cụ Nguyễn Văn T76 và cụ Trần Thị KK trước đây có 01 thửa

đất, quá trình sử dụng cụ T76 và cụ KK đã cho 02 con gái là cụ Nguyễn Thị Y65 và cụ Nguyễn Thị Thi (em gái cụ Y65) mỗi người 1/2 thửa đất để sử dụng riêng. Ngày 04/11/1993 cụ Y65 đã được Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 2.100m² đất (300m² đất thổ cư và 1.800m² đất vườn) tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 6 tại xã KL, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú (Theo bản đồ VN 2000 là thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46 địa chỉ tại tổ dân phố H3, thị trấn Long, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc) đứng tên bà Nguyễn Thị Y65. Do vậy, thửa đất này thuộc quyền sử dụng riêng của cụ Y65, không liên quan gì đến cụ T66 vì cụ T66 là người ở G7 đến dạy học tại KL, sau đó chung sống cùng cụ Y65 trên thửa đất do bố mẹ cụ Y65 cho riêng cụ Y65. Quá trình chung sống cụ T66 và cụ Y65 xây dựng được 01 nhà cấp bốn 05 gian, 01 nhà cấp bốn 03 gian, 01 trái chuồng gà, 01 gian nhà bếp, 01 chuồng bò, 01 lán để máy, 01 sân gạch, 02 trụ cổng, 02 cánh cổng sắt, 01 giếng nước, 02 đoạn tường bao loan. Các công trình này đã cũ, hiện nay ông D4 đang là người quản lý. Ngoài ra trên đất còn có 01 ngôi nhà cùng công trình phụ do ông D3, bà M10 xây dựng; 01 ngôi nhà cùng công trình phụ do bà Thu, ông G2 xây dựng.

Nay bà O khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ T66 để lại là thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46 ở tổ dân phố H3, thị trấn Long, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật. Bị đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O vì thửa đất trên là tài sản riêng của cụ Y65 không liên quan đến cụ T66. Đối với di chúc của cụ T66, bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Minh D3, bà Nguyễn Thị H4, bà Nguyễn Thị D2, bà Nguyễn Thị Bích N4, bà Nguyễn Thị C3, bà Đặng Thị M10 và ông Diệp Minh G2 thống nhất trình bày: Nhất trí với toàn bộ quan điểm trình bày của bị đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngoài ra các ông, bà không có yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Quốc D4 trình bày: Thống nhất với toàn bộ quan điểm trình bày của bị đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; quá trình giải quyết vụ án, ông có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giám định ADN đối với ông Nguyễn Ngọc H3 để xác định ông H3 có phải là con đẻ của cụ Nguyễn Ngọc T66 hay không. Tại phiên tòa, ông đề nghị rút lại yêu cầu trên; ngoài ra ông không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Bà Nguyễn Thị D1 trình bày: Về quan hệ huyết thống, mối quan hệ giữa các anh chị em trong gia đình như nguyên đơn và bị đơn trình bày là đúng. Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46 ở tổ dân phố H3, thị trấn Long, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo bà được biết có nguồn gốc là của chị gái cụ Y65 là cụ Nguyễn Thị Nguyệt (đã chết)

cho cụ Y65 chứ không phải của bố mẹ cụ Y65. Đối với di chúc cụ T66 để lại, bà không chấp nhận, bà đề nghị Tòa án chia thừa kế thừa đất trên theo quy định pháp luật, kỷ phần của bà được hưởng bà đề nghị được nhận bằng đất.

Ông Nguyễn Viết T8 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh B68, ông Nguyễn Ngọc H3, vắng mặt tại phiên tòa; tại bản tự khai và quá trình tố tụng ông T8 trình bày: Về quan hệ huyết thống trong gia đình và di sản thừa kế của cụ T66 để lại như nguyên đơn bà O trình bày là đúng. Đề nghị Tòa án chia di sản của cụ T66 để lại theo pháp luật. Đối với kỷ phần thừa kế ông được hưởng, ông đề nghị nhận bằng đất và tự nguyện tặng cho bà O toàn bộ phần thừa kế mà mình được hưởng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 23/9/2022, ông Nguyễn Quốc D4 cung cấp cho Tòa án 01 Di chúc viết tay ghi ngày 01/12/2011 ký tên người viết Nguyễn Ngọc T66.

Ngày 30/9/2022, bà Nguyễn Thị D1 có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành trung cầu giám định di chúc, vì theo bà di chúc do ông D4 cung cấp là di chúc giả.

Tại kết luận Giám định số 323/KL – KTHS ngày 14/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận chữ ký chữ viết trên mẫu cần giám định A1 (di chúc) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Ngọc T66 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 161, 165, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc chia di sản thừa kế đối với thừa đất số 547, tờ bản đồ số 46 ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O đối với ông Nguyễn Anh T về chia di sản thừa kế đối với thừa đất số 257, tờ bản đồ số 46, ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Về chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật. Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc T66 để lại, do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tài sản tranh chấp là bất động

sản ở thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Ngọc T66 chết năm 2014, năm 2020 bà O khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của Thanh để lại là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T8 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh B68, Nguyễn Ngọc H3 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T8, ông H3 và ông B68.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về diện và hàng thừa kế:

Năm 2014 cụ T66 chết, diện được hưởng thừa kế của cụ T66 ở hàng thừa kế thứ nhất gồm 12 người con là bà O, ông B68, ông T8, ông H3, ông T, bà H4, bà D1, bà Thu, ông D3, ông D4, bà N4, bà C3.

[4.2] Về di sản thừa kế:

- Nguồn gốc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46, diện tích đo đạc thực tế là 2.520,1m² ở thôn H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, theo nguyên đơn nguồn gốc là đất hoang hóa do cụ T66 và cụ Y65 cùng tạo lập nên; theo ông T8 và ông B68 (Tại bản tự khai Bút lục 23, 24) thì không rõ nguồn gốc mảnh đất. Theo bà D1 thì nguồn gốc thửa đất là của chị gái cụ Y65 là cụ Nguyễn Thị Nguyệt cho cụ Y65; cụ Nguyệt hiện đã chết. Theo bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông D4, ông D3, bà H4, bà Thu, bà N4, bà C3 thì thửa đất là của bố mẹ cụ Y65 là cụ Nguyễn Văn T76 và cụ Trần Thị KK cho riêng cụ Y65.

Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn KL thể hiện: Đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46 ở thôn H3, thị trấn KL, theo bản đồ 299 là tờ số 6, số thửa 33, diện tích 2100m², chủ sử dụng đất là Nguyễn Thị Y65. Theo sổ mục kê đất (không ghi năm lập) trang 41, tờ số 6, số thửa 33, tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Thị Y65, diện tích 2100m², trong đó có 1800m² đất vườn. Theo bản đồ VN 2000 là thửa số 257, tờ bản đồ số 46, diện tích 2.514,7m², đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Y65 và ông Nguyễn Ngọc T66.

Theo tài liệu do Phòng Nội vụ - Ủy ban nhân dân huyện TD cung cấp cho Tòa án là Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 01/8/1993 của cụ Nguyễn Thị Y65 gửi Ủy ban nhân dân xã KL, thể hiện: Thửa số 33, tờ bản đồ số 6 tại xóm H3, diện tích 300m² đất thổ cư, 1800m² đất vườn, nguồn gốc đất ông cha để lại. Đơn đăng ký được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận. Việc đăng ký được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980

của Hội đồng Chính Phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước. Tại mục IV Quyết định 201-CP quy định: “1. Để thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình sử dụng vào sổ địa chính của Nhà nước, Ủy ban nhân dân xã phải kiểm tra việc khai báo này. 2. Sau khi kê khai và đăng ký, các tổ chức hay cá nhân nào được xác nhận là người quản lý sử dụng hợp pháp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Ngày 04/11/1993 cụ Nguyễn Thị Y65 được Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 490677, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 305. QSDĐ/số 510 – QĐUB đứng tên bà Nguyễn Thị Y65, trong đó có thửa số 33, tờ bản đồ 6, diện tích 300m² thổ cư, 1.800m² đất vườn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của một số người làm chứng, người cao tuổi sống cùng thời kỳ với cụ T66 và cụ Y65 là cụ Nguyễn Sỹ Thuận, sinh năm 1939; cụ Nguyễn Thị Ty, sinh năm 1926 – đều là hàng xóm của cụ T66 và cụ Y65; cụ Dương Thị Bằng, sinh năm 1932 – Là chị dâu của cụ Y65; cụ Nguyễn Thị Thi, sinh năm 1935 – Là em gái cụ Y65, đều khẳng định nguồn gốc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 6 (theo bản đồ VN 2000 là thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46) ở thôn H3, KL, TD, Vĩnh Phúc có nguồn gốc là của bố mẹ cụ Y65 là cụ Nguyễn Văn T76 và cụ Trần Thị KK cho riêng cụ Thi và cụ Y65 mỗi người được ½ thửa đất; cụ Nguyễn Ngọc T66 là người ở xã TL, huyện G7 và đã có vợ con ở huyện G7, cụ T66 là giáo viên đến dạy học tại xã KL và chung sống với cụ Y65, không đăng ký kết hôn và không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, do cụ T66 và cụ Y65 không có chỗ ở nên có ở nhờ nhà bà Dương Thị Bằng một thời gian, sau đó bố mẹ đẻ của cụ Y65 cho riêng cụ Y65 đất thì cụ T66 và cụ Y65 xây dựng nhà và sinh sống trên thửa đất.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ xác minh, thu thập được, Hội đồng xét xử thấy thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46, ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc là tài sản riêng của cụ Y65, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Y65; quá trình sử dụng đất cụ Y65 chưa chuyển nhượng hay nhập tài sản trên với ai, nên thửa đất trên không phải là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc T66, không phải là đối tượng để phân chia di sản thừa kế theo pháp luật như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với các tài sản trên thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46, ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với thửa đất số 33H, tờ bản đồ số 6 (Theo VN 2000 là thửa 547, tờ bản đồ số 46) ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Ủy ban

nhân dân huyện TD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/6/2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T66 và bà Nguyễn Thị Y65.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 46 ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, TD, Vĩnh Phúc.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc D4 có đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định ADN đối với ông Nguyễn Ngọc H3 để xác định ông H3 có phải là con đẻ của cụ Nguyễn Ngọc T66 hay không. Tại phiên tòa, ông D4 đề nghị rút yêu cầu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46, ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định pháp luật.

[4.3] Về di chúc của cụ Nguyễn Ngọc T66.

Đối với di chúc ngày 01/12/2011 do ông Nguyễn Quốc D4 cung cấp; tại kết luận Giám định số 323/KL – KTHS ngày 14/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận chữ ký chữ viết trong Di chúc là do cụ Nguyễn Ngọc T66 viết và ký; Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí theo quy định pháp luật.

Về chi phí giám định: Tại kết luận Giám định số 323/KL – KTHS ngày 14/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận chữ ký chữ viết trong di chúc là do cụ Nguyễn Ngọc T66 viết và ký nên bà Nguyễn Thị D1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 161, 165, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 46 ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O đối với ông Nguyễn Anh T về chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46, ở tổ dân phố H3, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị O phải chịu 7.000.000đồng (*Bảy triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; xác nhận bà O đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị D1 phải chịu 3.060.000đồng (*Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) chi phí giám định; xác nhận bà D1 đã nộp đủ.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị O được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TG;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện TG;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị D2 Hạnh

